Giảng Ký Địa Tạng — Quyển Thượng — Phần 5

Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh Giảng Ký (HT Tịnh Không)

Hiện nay ở Tân Gia Ba chúng tôi phát tâm giảng rõ bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư thêm một lần, [nội dung] giảng lần này phải rõ hơn những lần giảng trước gấp nhiều lần. Nếu chúng ta không hiểu rõ triệt để Lý Sự, nhân quả của Tịnh Tông, trong tâm chẳng có chủ ý, niệm Phật được vài năm, gặp một người lại nói những câu bóng gió như vầy: “Tôi nghe nói chẳng cần phải niệm Phật nhiều như vậy, cũng chẳng cần phải trì giới, chẳng cần phải ăn chay, chỉ cần phát nguyện vãng sanh thì cũng được!”. Câu này đề xướng việc gì? Đề xướng Bổn Nguyện Niệm Phật, như vậy là hại chết người ta! Họ chiếu theo nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện [của đức Phật A Di Đà ghi trong] kinh Vô Lượng Thọ, lúc lâm chung một niệm, mười niệm cũng có thể vãng sanh. Lúc bình thường chuyện xấu xa gì đều làm cũng chẳng sao, đến lúc lâm chung niệm mười niệm, A Di Đà Phật liền đến tiếp dẫn thì được vãng sanh. Lời này nói chẳng sai [nhưng] lúc lâm chung đầu óc của bạn có tỉnh táo, rõ ràng không? Nếu lúc lâm chung bạn bất tỉnh nhân sự, mê man ngớ ngẩn, dù cao tăng đại đức đến hộ niệm thì bạn cũng chẳng thể vãng sanh. Người hiện nay chẳng có công phu định lực, nghe lời gạt gẫm chứ chẳng nghe lời khuyên lơn, nhận đồ giả chứ chẳng nhận đồ thật. Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ, thời đại hiện nay của chúng ta “Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng”. Bạn đừng nghe theo những người đến từ bên ngoài, “hòa thượng bên ngoài biết niệm kinh”, coi thường người bổn xứ, mê theo, tin theo người đến từ nơi khác, bạn sẽ bị lầm, sai lầm quá đỗi! Hy vọng đồng tu niệm Phật phải quay lại, y theo lời dạy của lão pháp sư Ấn Quang: “Tận lực giữ trọn luân thường, Làm tròn bổn phận, Ngăn ngừa tà ác, Giữ tâm tánh chân thành, Tín nguyện niệm Phật, Cầu sanh Tịnh Độ”22, được vậy thì đời này của chúng ta mới được độ. Thế nên Thiền định là trong tâm có chủ tể, chẳng nghe lời đồn đãi. Trì Giới Niệm Phật nhất định là chính xác, chẳng ăn thịt chúng sanh là tâm từ bi, bạn xem cách tiêu biểu pháp ở phía trước, mười vầng mây sáng, tiếp theo sau Đại Viên Mãn là Đại Từ Bi, Phật pháp lấy “từ bi làm gốc”, bạn làm sao xả bỏ căn bản được! Quên mất căn bản thì làm sao vãng sanh được! Niệm câu A Di Đà Phật này, như thế nào gọi là niệm? Rất ít người hiểu việc này, bạn chỉ biết niệm trong miệng, chẳng dùng được. Người xưa nói một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, có miệng niệm chứ không có tâm niệm, hét bể cổ họng cũng uổng công. 22 Nguyên văn: Đôn Luân Tận Phận, Nhàn Tà Tồn Thành, Tín Nguyện Niệm Phật, Cầu Sanh Tịnh Độ Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 84

Bạn có thể vãng sanh không? Hai chữ Bổn Nguyện giảng không sai, họ chẳng giảng rõ ràng, tâm của bạn, nguyện của bạn, hạnh của bạn phải hoàn toàn giống đức Phật A Di Đà, sau đó niệm một câu thì một câu tương ứng, niệm mười tiếng thì mười tiếng tương ứng. Nếu tâm bạn, nguyện của bạn hoàn toàn trái nghịch với Phật, bạn niệm mười vạn tiếng cũng chẳng tương ứng. Tín - Nguyện - Giải - Hạnh của A Di Đà Phật ở đâu? Trong kinh Vô Lượng Thọ. Tôi giảng kinh, nói chín phẩm vãng sanh, cách nói của tôi cùng với cách nói của đại đức thời xưa có chỗ khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác, [nghe] cách nói của tôi thì mọi người dễ hiểu hơn. Pháp môn Tịnh Tông cũng chẳng trái

nghịch giáo lý Tín - Giải - Hành - Chứng. Pháp môn khác phải Giải (hiểu rõ lý luận) xong rồi mới Hành, pháp môn Tịnh Độ phương tiện, tức là bạn có thể Hành trước, vừa Hành vừa Giải, chẳng phải dạy bạn chỉ có Hành chẳng có Giải; là dạy bạn vừa Hành, vừa cầu Giải. Chỉ có Hành chứ không Giải cũng được, chúng ta thấy rất nhiều cụ già chẳng hiểu kinh giáo, cũng chẳng nghe kinh, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng, lúc vãng sanh đứng, ngồi mà vãng sanh, chúng ta đều đã thấy được. Họ là hạng người như thế nào? Họ là những người thật thà. Thật thà là như thế nào? Bạn nói với họ bất cứ chuyện gì, họ đều nghe lời, họ chắc thật niệm câu A Di Đà Phật, họ là hạng người thật thà. Người thật thà rất ít, quá ít quá ít, trong một vạn người may ra có một, hai người thật thà như vậy. Cả ngày từ sáng đến tối luôn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là chẳng thật thà, người chẳng thật thà nhất định phải cầu Giải. Rõ ràng lý luận rồi, hiểu rõ phương pháp rồi thì niệm câu Phật hiệu này mới đượ̣c tyõng ứng. Cứ nhẹ dạ, cứ nghe lời đồn đãi, tà thuyết là không thật thà; đến cuối cùng đánh mất nhân duyên vãng sanh thù thắng ngay trong đời này của chúng ta, bạn nói như vậy có đáng tiếc không! Nhất định đừng nghe lời đồn đãi, trong tâm phải có chủ ý, như vậy là "Thiền Ba La Mật". "Bát Nhã Ba La Mật" là trí huệ, tức là đối với hết thảy Lý, Sự đều rõ ràng minh bạch. Tuy rõ ràng, minh bạch nhưng tuyệt đối không chấp trước, tuyệt chẳng phân biệt, đó là chân trí huệ. Đây là tổng cương lãnh tự hành hóa tha của hết thảy chư Phật Như Lai. Vì người diễn nói, biểu diễn là biểu diễn những thứ này, khuyến đạo hết thảy chúng sanh đều là những cương lãnh này. Xem tiếp:

Từ Bi âm, Hỷ Xả âm. Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 85

(Tiếng Từ Bi, tiếng Hỷ Xả.)

"Từ, Bi, Hỷ, Xả" gọi là "Tứ Vô Lượng Tâm", đây là khoa mục tu chính yếu của người ở trời Tứ Thiền, cõi Sắc Giới. Tham thiền mà chẳng có Từ, Bi, Hỷ, Xả thì chẳng thể sanh lên cõi trời Tứ Thiền. Công phu thiền định có giỏi cách mấy cũng chỉ có thể sanh đến trời Dục Giới, chẳng thể sanh đến Tứ Thiền, thế nên nhất định phải tu Từ, Bi, Hỷ, Xả. "Từ" nghĩa là gì? Chúng ta hiện nay chẳng có, nhất định phải học tập. Từ là vui, vui vẻ giúp đỡ người khác. "Bi" là nhìn thấy người ta khổ, giúp họ lìa khổ, như vậy gọi là Bi. Giúp đỡ người ta được vui thì gọi là Từ. "Hỷ" là tâm hoan hỷ, nhìn thấy người khác lìa khổ được vui thì sanh tâm hoan hỷ, đó là "Tùy hỷ công đức". Một số người mê hoặc điên đảo trong thế gian thấy người khác có được điều tốt lại sanh tâm đố kỵ, như vậy là sai. Đố kỵ sẽ chịu tổn hại to lớn, hại chính mình, thế nên Hỷ là chuyển tâm đố kỵ trở lại, chẳng có tâm đố kỵ, chỉ có tâm tùy hỷ. "Xả" là buông xuống hết thảy, không chấp trước hết thảy.

Giải Thoát âm. (Tiếng Giải Thoát.)

Giúp đỡ hết thảy chúng sanh đoạn phiền não, thoát khỏi Tam Giới, đây là tiếng Giải thoát.

Vô Lậu âm. (Tiếng Vô Lậu.)

Tức là Thanh Tịnh âm. Lậu là danh từ thay thế cho phiền não, “Vô Lậu” là phiền não đoạn dứt, phiền não chẳng sanh.

Trí Huệ âm, Đại Trí Huệ âm. (Tiếng Trí Huệ, tiếng Đại Trí Huệ.)

Đây là hai trí Quyền, Thật. Phật pháp dùng Trí huệ làm mục tiêu chung cực cho sự giáo học, trong Tam Học: Nhờ Giới được Định, nhờ

Định được khai Trí Huệ. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta: “Bát Nhã có thể sanh trí huệ”, Bát Nhã chính là Thật Tướng Trí Huệ. Còn Trí Huệ chính là hai trí Quyền, Thật. Chư Phật, Bồ Tát dùng hai thứ trí huệ này giúp đỡ hết thảy chúng sanh, và giúp chúng sanh đều khai mở hai trí huệ này.

Sư Tử Hống âm, Đại Sư Tử Hống âm. (Tiếng Sư Tử Hống, tiếng Đại Sư Tử Hống.)

Đây là thí dụ, thí dụ oai đức của Phật, Bồ Tát thuyết pháp, dạy học giống như tiếng Sư tử hống, dùng Sư tử ví Bồ Tát, dùng Đại Sư tử ví Phật. Bồ Tát có thể dạy người Tam Thừa; Phật có thể dạy hết thảy chúng sanh, kể cả Đẳng Giác Bồ Tát, thế nên xưng là Đại Sư tử.

Vân Lôi âm, Đại Vân Lôi âm. (Tiếng Mây Sấm, tiếng Mây Sấm Lớn.)

Đây là thí dụ. Vân có thể trút mưa, trút là đổ. Lôi là sấm chớp, có thể chấn động tâm người, thí dụ oai lực, thí dụ sức chấn động của nó. Phật, Bồ Tát thuyết pháp có thể chấn động hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng sanh; pháp của Phật nói ví như mưa pháp, trút xuống đồng đều khắp nơi, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Giống như trong kinh Pháp Hoa nói lúc mưa rơi xuống, cây lớn hấp thụ nước nhiều, cọng cỏ hấp thụ nước ít, mưa chẳng có phân biệt cho người này nhiều một chút, cho người kia ít một chút, là do căn tánh của con người khác nhau. Thế nên hết thảy chúng sanh nghe Phật thuyết pháp, người căn tánh nhỏ được lợi ích nhỏ, người căn tánh lớn đạt được lợi ích lớn. Người thiện căn sâu dày ngộ nhập sâu, người thiện căn cạn cợt ngộ nhập cạn, chẳng phải Phật có phân biệt, chúng sanh căn tánh chẳng giống nhau nên mới có các hiện tượng sai khác. Đây là dùng “vân lôi” để thí dụ, thí dụ Phật thuyết pháp đều phổ biến, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, thí dụ oai đức của Phật thuyết pháp có thể làm cho hết thảy chúng sanh giác ngộ. Lại xem phần kinh văn tiếp theo:

Xuất như thị đẳng bất khả thuyết bất khả thuyết âm dĩ.

(Nói ra những âm thanh bất khả thuyết bất khả thuyết như vậy xong.)

Câu này tổng kết âm thanh thuyết pháp.

Sa Bà thế giới cập tha phương quốc độ, hữu vô lượng ức thiên long quỷ thần, diệc tập đáo Đao Lợi thiên cung. (Thế giới Sa Bà và những cõi nước ở phương khác có vô lượng ức trời, rồng, quỷ, thần đều tụ đến Đao Lợi thiên

cung.)

Âm thanh thuyết pháp của Phật quả nhiên có hiệu quả, chấn động cả hư không pháp giới, chẳng phải chỉ có thế giới Sa Bà chúng ta. Sa Bà thế giới là khu vực giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đây là một đại thiên thế giới. “Tha phương quốc độ” là những cõi nước ở ngoài Sa Bà, hết thảy cõi nước chư Phật đều bị chấn động. Những chúng sanh có duyên ở mười phương thế giới, có duyên với ai? Có duyên với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, với Địa Tạng Bồ Tát. Vì pháp hội lần này muốn tuyên dương Địa Tạng Bồ Tát tu nhân chứng quả, các thứ công đức độ hóa chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Đặc biệt là đối với những chúng sanh có duyên với Địa Tạng Bồ Tát trong mười phương vô lượng vô biên cõi nước, thiên long quỷ thần cũng đến Đao Lợi thiên cung để tham dự pháp hội này. Thế nên pháp hội lần này có Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Kinh văn phía sau nói với chúng ta thiên long, thần chúng, quỷ vương toàn bộ đều đến, pháp hội này thiệt là vô cùng thù thắng, chúng ta xem đoạn kinh tiếp theo:

Sở vị Tứ Thiên Vương thiên, Đao Lợi thiên, Tu Diệm Ma thiên, Đâu Suất Đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên. (Đó là cõi trời
Tứ Thiên Vương, cõi trời Đao Lợi, cõi trời Tu Diệm Ma, cõi trời Đâu Suất Đà, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Tự Tại.)

Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 88

Đoạn này nói về cõi Trời Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng, vì thời gian có hạn chúng ta chẳng thể nói kỹ về đoạn này. Pháp sư Thánh Nhất lần trước đã giảng kinh Địa Tạng ở Cửu Hoa Sơn, Ngài có giảng ký, giảng ký này đơn giản rõ ràng, đều có giới thiệu sơ lược. Ở đây tôi chỉ giới thiệu cõi trời Tứ Thiên Vương, giới thiệu cho quý vị một cõi. Tứ đại thiên vương, dân gian Trung Quốc tục gọi là Tứ Đại Kim Cang, khi đến chùa miếu xem, [tượng của các Ngài thường được đặt ngay] cửa cổng chính giống như bảo vệ vậy, đây là thần hộ pháp, thật ra là “Tứ Thiên Vương thiên”, Tứ đại thiên vương đích thực trong nhà Phật đại biểu cho hộ pháp. Trong Thiên Vương điện có cung phụng Tứ đại thiên vương, đồng thời cũng cung phụng Di Lặc Bồ Tát; Di Lặc Bồ Tát ở cõi trời Đâu Suất, là Hậu Bổ Phật của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tại sao cúng Di Lặc Bồ Tát ở điện Thiên Vương? Vả nữa, tượng của Di Lặc Bồ Tát chẳng giống với tượng Bồ Tát truyền thống của Ấn Độ, mà tạo hình giống hòa thượng Bố Đại đời Tống ở Trung Quốc. Thời Nam Tống, hòa thượng Bố Đại xuất hiện ở Phụng Hóa, Chiết Giang, Ngài mập mạp, cả ngày cười toe toét, luôn vác một bao vải trên lưng. Hòa thượng Bố Đại từ nơi nào đến? Chẳng ai biết, và cũng chẳng ai biết Ngài tên gì, họ gì, cả ngày từ sáng đến tối Ngài luôn vác bao vải nên cái bao này trở thành dấu hiệu tượng trưng của Ngài, khi người ta nhìn thấy liền xưng Ngài là hòa thượng Bố Đại, do đó hòa thượng Bố Đại bèn nổi danh. Lúc viên tịch Ngài nói với mọi người rằng Ngài chính là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát, vừa nói xong thì Ngài liền ngồi yên, thị tịch. Từ đó người Trung Quốc tạo tượng Di Lặc Bồ Tát giống như hình dáng của hòa thượng Bố Đại. Ngài biểu thị cái hình tướng này, nói thật ra trong kinh thường nói đệ tử Phật hóa hiện trên thế gian này đối với Phật pháp thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói; diễn là biểu diễn, Ngài hoàn toàn biểu diễn cho người ta xem, làm một gương tốt cho xã hội đại chúng, để cho người khác nhìn thấy có thể

sanh tâm giác ngộ. Bụng to tượng trưng cho tánh đức bao dung, thị hiện bao dung; tâm lượng người thế gian quá nhỏ, chẳng thể bao dung người khác. Di Lặc Bồ Tát đại từ đại bi, Di Lặc là Từ Thị, đại biểu từ bi, thế nên thị hiện hình tướng này là có thể bao dung, Ngài có thể bao dung. Cái túi vải cũng có ý nghĩa bao dung, khi đến đâu người ta cúng dường cái gì Ngài đều bỏ vào túi vải này, chẳng phân biệt sang hèn, chẳng phân biệt tốt xấu, hết thảy đều bình đẳng bỏ vào túi. Có người hỏi: Kính thưa hòa thượng Bố Đại, Phật pháp là gì? Ngài bèn buông túi vải xuống đất. Như vậy có ý nghĩa gì? “Buông

xuống”; ai nhìn thấy cũng hiểu là buông xuống. Sau khi buông xuống rồi thì sao? Ngài vác túi vải lên và đi mất. Sau khi buông xuống, thì “nhấc lên”. Buông xuống nghĩa là trong tâm hoàn toàn chẳng có vướng mắc; nhấc lên cái gì? Vì xã hội đại chúng phục vụ. Chẳng có tâm riêng tư, hoàn toàn hiến dâng. Buông xuống nổi, nhấc lên được, là tượng trưng cho ý nghĩa này. Mặt luôn nở nụ cười tươi, chúng ta để hình tướng cười tươi của Ngài ở chỗ dễ nhìn thấy nhất, vừa bước vào cửa liền thấy Ngài, học theo Ngài phải buông xuống, nhấc lên nổi, phải học tánh đại từ đại bi của Ngài, luôn cười tươi, thường sanh tâm hoan hỷ, hoan hỷ tiếp dẫn hết thảy đại chúng, thế nên mới đặt hình tướng của Ngài ở Thiên Vương điện, như vậy chứa đựng ý nghĩa gì? Hộ pháp. Hộ cho ai? Hộ cái gì? Tiêu biểu cho ý nghĩa “Hộ từ bi tâm”. Bảo hộ tâm từ bi của mình, phải buông xuống, nhấc lên, đừng quên ý nghĩa này! Giữ cho mình thường sanh tâm hoan hỷ, tươi cười tiếp đón người ta. Hòa thượng Bố Đại biểu hiện tánh đức của chúng ta, phải hộ trì từ chỗ này. Bạn xem ý nghĩa này sâu sắc không, như vậy mới có tư cách vào cửa Phật. Bước vào cửa Phật cần phải có điều kiện gì? Phải có điều kiện này, thực sự buông xuống nổi, tâm địa thanh tịnh vô vi, chân chánh có thể nhấc lên, dùng Lục Độ giáo hóa hết thảy chúng sanh, tượng trưng cho ý nghĩa như vậy. Tứ Thiên Vương: Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương tượng trưng “Làm tròn trách nhiệm”; Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương tượng trưng cho “Cầu tiến bộ”, luôn cầu tiến, tuyệt chẳng lạc hậu; Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương, Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương tượng trưng “Học rộng nghe nhiều”. Người Trung Quốc có câu: “Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường”, thành tựu cho học vấn, đức năng chân thật của mình, sau đó bạn mới có thể phục vụ xã hội, quốc gia, và hết thảy chúng sanh. Nếu bạn chẳng có trí huệ, đức năng thì bạn lấy gì để phục vụ! Là tượng trưng cho ý nghĩa này. Ý nghĩa vô cùng viên mãn, đây là ý nghĩa tượng trưng của Tứ Thiên Vương. Trong kinh Phật nói cho chúng ta biết, thọ mạng của Thiên nhân là năm trăm tuổi. Một ngày trên cõi Tứ Vương Thiên bằng năm mươi năm ở cõi người chúng ta, một năm cũng có ba trăm sáu mươi ngày, năm mươi năm ở nhân gian bằng một ngày của họ nên thọ mạng của họ rất dài. Càng lên cao thì tăng gấp bội, thế nên thiên phước rất lớn. Được rồi! Hôm nay chúng tôi giảng đến đây.

Tập 05 (Số 14-12-05)

Chư vị pháp sư, chư vị đại đức, đồng học: Vì chúng ta dùng nhiều bản in khác nhau nên không thể nêu lên số trang, số hàng mỗi lần, hy vọng mọi người nghe giảng đến đâu tự

ghi nhớ lấy, lần sau nhất định sẽ nối tiếp ở chỗ đó, đây là chuyện bất đắc dĩ, xin mọi người chịu khó. Xin mở kinh. Lần trước giảng đến trời Dục Giới:

Sở vị Tứ Thiên Vương thiên, Đao Lợi thiên, Tu Diệm Ma thiên, Đâu Suất Đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên. (Đó là cõi trời
Tứ Thiên Vương, cõi trời Đao Lợi, cõi trời Tu Diệm Ma, cõi trời Đâu Suất Đà, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Tự Tại.)

Đến đoạn này, chúng ta đã giảng về Tứ Thiên Vương, điểm quan trọng là phải hiểu sự tiêu biểu pháp của Tứ Vương Thiên mới có thể được thọ dụng chân chánh. Nói một cách đơn giản, Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương, xem tên biết ý nghĩa, vị Thiên Vương này dạy chúng ta làm thế nào bảo vệ quốc gia của mình vĩnh viễn được hưng vượng, chẳng suy thoái. Từ đó dẫn đến làm thế nào giữ vững nhà mình, bảo hộ thân mình, đời này chúng ta lập nghiệp, khỏe mạnh, vang danh bốn biển, đức lưu đến đời sau, đây là sự thành tựu chân thật trong đời của chúng ta, thế nên ý nghĩa này rất sâu, rất rộng. Nam Phương Thiên Vương dạy chúng ta phải mong cầu tiến bộ, thời đại vĩnh viễn luôn tiến bộ, chúng ta thường nói người nào đó chẳng theo kịp thời đại, ý nghĩa là như vậy. Thời đại biến đổi, tiến tới hằng ngày; chữ Tiến ở đây có thể hướng về mặt thiện, cũng có thể hướng về mặt ác, đây là việc chúng ta không thể không phân biệt. Nếu tinh tấn về thiện pháp thì đây là mặt chánh, quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa; nếu tiến về hướng ác như tham, sân, si, mạn thì nhất định sẽ đem lại động loạn trong xã hội, thiên tai nhân họa, mọi người phải chịu khổ, nhất định phải nhận thức việc này rõ ràng. Phía trước đã nói đến việc chư Phật tán thán Thế Tôn “biết pháp khổ vui”, câu này rất phi thường! Niềm vui chân chánh không phải chỉ là niềm vui trong đời này, đời sau vĩnh viễn hưởng lạc, như vậy mới là niềm vui chân chánh. Nếu nói đời này chúng ta hưởng lạc, nhưng đời sau chịu khổ, như vậy là sai rồi, sai quá đỗi! Những người đời này hưởng lạc, đời sau chịu khổ không biết là bao nhiêu, đây là việc chúng ta không thể không cảnh giác. Trong lúc Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 5 91

hưởng lạc lại tạo nghiệp, khi phước báo hưởng hết, ác nghiệp hiện tiền thì bạn sẽ thọ báo trong ba đường ác, như vậy là sai lầm to lớn. Nam Phương Thiên vương tượng trưng cho sự tinh tấn có trí huệ, có lý tánh, chẳng si mê, chẳng phải cảm tình. Tây Phương Thiên Vương là Quảng Mục Thiên Vương, dạy chúng ta xem nhiều, tức là học tập nhiều. Bắc Phương Thiên Vương là Đa Văn Thiên Vương, nhìn nhiều, nghe nhiều, vĩnh viễn giữ vai trò của một người [tìm tòi] học hỏi, tức là vĩnh viễn làm một học sinh. Chỉ khi chứng được Phật quả viên mãn, cứu cánh thì mới ở tại vị trí người thầy, đạo sư chân chánh; Đẳng Giác Bồ Tát còn là học sinh, huống chi là những hạng khác. Mình vĩnh viễn phải giữ tại địa vị học sinh. Người Trung Quốc thời xưa nói: “Sống đến già, học đến già, học chẳng hết” chính là ý nghĩa này, cả đời đến già còn hiếu học. Trong nhà Phật gọi là “Học Nhân”, Học Nhân tức là học sinh, học tập làm người, vĩnh viễn học làm người. Ai có thể làm người tốt, làm được viên mãn, một mảy tơ cũng chẳng thiếu sót? Thành Phật, chỉ có Phật mới là một người hoàn toàn, chúng ta phải hiểu đạo lý này, phải hết lòng học tập. Dùng cách nói hiện nay thì những vật trên tay Tứ Thiên

Vương gọi là “đạo cụ”. Nói vậy thì mọi người dễ hiểu; đạo là tiêu biểu pháp, làm cho bạn nhìn thấy, tiếp xúc đến thì bạn liền biết đại đạo lý của vũ trụ nhân sinh, tức là phải nắm chắc nguyên tắc này để học tập. Trên tay Đông Phương Thiên Vương cầm đàn tỳ bà, nhạc khí, không có nghĩa là ông ta thích ca hát, khiêu vũ, cách nghĩ như vậy là sai. Ngài dùng cái này để tiêu biểu làm thế nào hộ trì quốc gia của bạn, hộ quốc quan trọng nhất là hành “trung đạo”. Nhà Nho nói “Trung Dung”, đạo trung dung, nhà Phật nói “Trung đạo đệ nhất nghĩa đế”, Ngài dùng sợi dây đàn này để tiêu biểu pháp. Khi chỉnh dây đàn, vặn quá chặt thì nó sẽ đứt, quá chùng thì âm thanh chẳng kêu, nhất định phải vặn đến vừa đúng, tiêu biểu cho ý nghĩa này. Vừa đúng, chẳng căng, chẳng chùng, như vậy gọi là Trung Đạo, tiêu biểu ý như vậy. Chỗ cao minh của thánh nhân là biết giữ ở mức chính giữa, chẳng lệch về hai bên. Do đó đây là đạo cụ. Tay của Nam Phương Thiên Vương cầm kiếm, kiếm tượng trưng cho trí huệ, huệ kiếm, tiêu biểu cho ý này. Tay Tây Phương Thiên Vương cầm rồng hoặc rắn, ở Ấn Độ và Trung Quốc đều cho rằng rồng và rắn biết biến hóa, tiêu biểu cho hết thảy người, sự, vật trong xã hội thiên biến vạn hóa, bạn phải nhìn rõ ràng. Tay phải cầm hạt châu, châu tiêu biểu chẳng biến đổi, trong hết thảy sự thay đổi bạn nắm được nguyên tắc chẳng biến đổi. Bất biến tức là Định Huệ, tức là Thành Kính, nắm vững nguyên tắc này để xử sự,

đối người, tiếp vật, bất luận xã hội biến hóa như thế nào, chỉ cần bạn nắm vững nguyên tắc thì có thể ứng phó như ý, giáo hóa tự tại. Tay Bắc Phương Thiên Vương cầm lọng (hay dù), lọng che. Lọng tượng trưng cho ngăn ngừa ô nhiễm; lúc chẳng có ô nhiễm thì xếp lọng lại, khi có ô nhiễm thì giương lọng ra. Xã hội hiện nay của chúng ta ai cũng ý thức đến mức ô nhiễm trầm trọng, tâm lý ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm, tư tưởng kiến giải ô nhiễm, sinh lý ô nhiễm, hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm. Hiện nay chúng ta tạo tượng của Tứ Thiên Vương, lọng của Bắc Phương Thiên Vương phải giương ra chứ không thể xếp lại, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Ý nghĩa giáo dục vô cùng sâu xa, chúng ta không thể xem như thần minh, nếu xem như vậy là sai, là mê tín. Trời Đao Lợi, người Trung Quốc gọi thiên chủ trời này là Ngọc Hoàng Đại Đế, đại khái rất nhiều tôn giáo ngoại quốc xưng là Thượng Đế, Thiên Chúa chính là Ngài. Có rất nhiều cõi trời, mỗi tầng trời đều có thiên chủ, đều có một nhân vật lãnh đạo, tại sao chúng ta khẳng định là Đao Lợi thiên chủ, chẳng phải thiên chủ ở những cõi trời khác? Xem kinh điển của họ, lý luận của họ, phương pháp tu hành rất giống với trời Đao Lợi. Tu thập thiện nghiệp đạo thì có thể vãng sanh về cõi trời Đao Lợi. Chúng ta coi kinh điển của Cơ Đốc Giáo, Moses có mười điều răn, mười điều răn này rất tương tợ với thập thiện nghiệp đạo. Chúng ta nhất định phải hiểu, chẳng phải chỉ tin Thượng Đế bèn được cứu, chẳng có việc này. Phải tu pháp của Thượng Đế dạy, trong kinh điển Thượng Đế dạy bạn làm thế nào thì bạn phải làm theo như vậy mới được. Nếu bạn làm chẳng được thì không thể sanh lên trời, Ngài có điều kiện, như vậy mới hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng có điều kiện, không phải nói tôi tin thì có thể vãng sanh, không được đâu. Hiện nay có một số người đề xướng Bổn Nguyện Niệm Phật, [nói rằng] tôi phát nguyện vãng sanh thì quyết định được sanh, đâu có chuyện đơn giản như vậy! Trong “Nguyện” có “Hạnh” thì nguyện này mới gọi là

nguyện chân thật, trong kinh không biết Phật đã nói bao nhiêu lần. Nguyện mà không có hạnh thì gọi là nguyện suông, nguyện đó hư giả, chẳng thể biến thành hiện thực. Bạn phải hiểu ý nghĩa này, Phật chẳng lừa gạt người, tự mình gạt mình thì sẽ bị thiệt thòi to lớn. Dùng hạnh để thực hiện nguyện, biến nguyện vọng của bạn thành thực tiễn. Vì sao chúng ta coi trọng Tam Phước, Lục Hòa, đây là pháp căn bản do Phật dạy trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, ba đời chư Phật đều tu ba điều này, đó chính là Tịnh Nghiệp Chánh Nhân. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới

tu Tịnh Nghiệp, chúng ta tin A Di Đà Phật, tin Tây Phương Tịnh Độ, nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ, điều kiện thấp nhất là phải làm được Tam Phước, nếu chẳng làm được Tam Phước thì không thể vãng sanh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, người xưa nói: “Hét bể cổ họng cũng uổng công”, lời này là lời chân thật, chẳng giả dối. Trong Tam Phước tối thiểu phải làm được một điều thì bạn mới có thể vãng sanh. Nếu bạn có thể làm được điều thứ nhất “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại sanh vật, tu thập thiện nghiệp”, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thì bạn có thể vãng sanh Hạ Phẩm. Bạn có thể làm được điều thứ hai, điều thứ hai đương nhiên bao gồm điều thứ nhất, tức là cộng thêm: “Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi” thì bạn vãng sanh Trung Phẩm. Đây là ba bậc vãng sanh nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Nâng cao thêm, nếu bạn có thể “Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả” thì sẽ vãng sanh Thượng phẩm. Đây là pháp căn bản, đâu có nói phát nguyện suông, chẳng cần tu hành mà có thể vãng sanh, Phật chẳng nói như vậy. Muôn vàn xin đừng hiểu lầm, chẳng thể bỏ uổng nhân duyên hiếm có trong đời này. Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh là pháp căn bản, cả bộ kinh này nói về cái gì? Chính là nói về Phước thứ nhất: “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại, tu thập thiện nghiệp”, cả bộ kinh nói về việc này. Bạn sẽ hỏi bốn câu trong phước thứ nhất này phải nói như thế nào? Cả bộ Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh này là chú giải [cho bốn câu này]. Tu học đúng như lý, như pháp, đại sư Thiện Đạo nói: “Vạn tu vạn người về”, ai cũng không bỏ sót. Nếu bạn tu không đúng như pháp thì sẽ chẳng vãng sanh nổi, Phật chẳng nói sai, là bạn đã hiểu sai ý tứ trong ấy. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy chúng ta “Đương hiếu ư Phật”, dạy chúng ta tôn sư trọng đạo, đây là giáo nghĩa của kinh Địa Tạng, nhất định phải hiểu những đạo lý này. Tu Diệm Ma thiên cũng gọi là Dạ Ma thiên, tên của cõi trời này đúng ra phải là Tu Diệm Ma thiên. Gọi là Dạ Ma thiên vì thiên chủ cõi ấy tên là Dạ Ma. Tu Diệm Ma dịch nghĩa là Diệu Thiện, hiện nay lão hòa thượng ở Phổ Đà Sơn của chúng ta cũng có tên là Diệu Thiện. Cõi trời này rất khoái lạc, rất hoan hỷ, ngoài việc tu thập thiện nghiệp ra còn phải tu Định, phải thêm công phu định lực mới có thể sanh về. Chỉ tu thập thiện nghiệp thì không được, chẳng thể vãng sanh, chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi mà thôi, muốn lên trên phải thêm công phu định lực.

Nói thật ra còn phải tu Từ, Bi, Hỷ, Xả, đây là khoa mục chánh của cõi trời Sắc Giới, họ cũng tu nhưng công phu đương nhiên chẳng sâu bằng người cõi trời Sắc Giới; nhưng

vẫn có tu. Càng lên cao thì ở mỗi tầng công phu định lực, thiện lợi, chúng ta gọi là tích công lũy đức, tăng lên gấp bội, cứ lên mỗi tầng thì tăng thêm gấp bội, thật chẳng đơn giản! Mọi người hãy suy nghĩ sanh lên trời đã chẳng dễ rồi huống chi là vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm Phật! Chuyện này chúng ta không thể coi thường, không thể coi như quá dễ; nhưng cũng không thể coi như quá khó, nếu quá khó thì bạn sẽ không dám tu. Coi quá dễ thì sẽ lơ là, khinh thường, nhất định sẽ làm hỏng việc. Người ở Trời Dục giới tu thượng phẩm thập thiện, trong đó còn thêm một số "Vị đáo định", nghĩa là họ tu Định, công phu tu Định này vẫn chưa đạt được tới trình độ nhất định. Trình độ nhất định nghĩa là hoàn toàn đè nén, che phủ dục, chúng ta gọi là dục vọng, đức Phật quy nạp thành năm thứ: Tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ (Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy) gọi là Ngũ Dục. Họ đã đè phục được năm thứ dục này, tuy chưa đoạn nhưng nhất định chẳng khởi hiện hành thì mới có thể sanh đến trời Sắc Giới. Họ đè phục được ngũ dục, nhưng chẳng thể đoạn, cũng có thể nói sáu tầng trời này càng lên cao thì dục niệm của họ càng lợt lạt. Nếu hoàn toàn đè phục hết dục niệm, bày ngay trước mặt họ đích thật chẳng động tâm, chẳng khởi ý niệm, thì họ sẽ lên cõi Sắc Giới. Công phu định lực này kể là đã thành tựu, họ có thể sanh đến cõi trời Sơ Thiền ở Sắc Giới. Sắc Giới có mười tám tầng trời. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Phạm Chúng thiên, Phạm Phụ thiên, Đại Phạm thiên. (Trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm.)

Đây là cõi Sơ Thiền. Ba cõi trời Sơ Thiền này, chúng ta gọi là ba tầng, nhưng trên thực tế chỉ là một tầng, phước báo hưởng thụ chẳng giống nhau. "Phạm Chúng" ví như nhân dân, người dân thường; "Phạm Phụ" ví như đại thần, quan cao, quan lớn, sự hưởng thụ đương nhiên cao hơn dân thường; "Đại Phạm" ví như thiên vương, phước báo càng lớn hơn. Cùng một tầng trời có ba hạng hưởng thụ khác nhau. Tuy cõi Sơ Thiền ở Sắc Giới có hưởng thụ, chư vị phải biết họ chẳng có ý niệm, tâm địa thanh tịnh. "Phạm" là tiếng cổ Ấn Độ, dịch nghĩa là thanh tịnh. Sơ Thiền tâm địa đã thanh tịnh rồi, lên cao hơn thì chẳng cần nói nữa, càng lên cao càng thanh tịnh. Nhị Thiền gọi là "Quang thiên".

Thiểu Quang thiên, Vô Lượng Quang thiên, Quang Âm thiên. (Trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm.)

Cổ đức nói: Đại khái, Sơ Thiền vẫn còn tổ chức giống xã hội nhân gian, có nhân dân, có quan liêu, có quốc vương; Nhị Thiền trở lên chẳng còn nữa, thế giới bình đẳng, chân chánh cộng hòa, chẳng có quốc vương, đại thần gì hết, mọi người đều bình đẳng. Tuy bình đẳng nhưng phước báo vẫn còn sai khác, sai khác do đâu mà có? Công phu tu hành mỗi cá nhân chẳng giống nhau. Thí dụ chúng ta học trong trường, cùng một lớp thì mọi người đều giống nhau, lúc thi cử thì có hạng nhất, hạng nhì, vẫn còn xếp hạng, vậy thì có chỗ chẳng bằng nhau, trong chỗ đồng có chỗ không đồng. Lúc chưa thành Phật thì hiện tượng này vẫn tồn tại. Cùng là Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát cùng nhau thi cử cũng có hạng nhất, hạng nhì, hạng ba. Chỉ đến quả địa Như Lai thì mới hoàn toàn bình đẳng, một chút sai khác cũng chẳng có, những đạo lý và sự việc này

chẳng khó hiểu. “Trời Thiểu Quang” có ánh sáng nhưng ít hơn so với cõi khác; “Trời Vô Lượng Quang” thì ánh sáng nhiều hơn. Ánh sáng này từ đâu đến? Nói cho chư vị biết tâm thanh tịnh sẽ phóng quang, tâm địa thanh tịnh sẽ phóng ánh sáng. Thật ra hết thảy vạn vật đều phóng quang. Hôm trước sư Ngộ Toàn đem hình cho tôi xem, Sư nói ở ngoài đời có một dụng cụ có thể chụp “quang” của người. Sư đi chụp rồi lấy tấm hình cho tôi xem; tôi nói muôn vàn đừng bị gạt, đừng bị người ta gạt. Đích thật con người có quang, vật cũng có quang, ngay cả cỏ cây cũng có quang, đây là sự thật. Quang của mỗi người có màu sắc khác nhau, lớn nhỏ khác nhau, một số người luyện Khí Công có thể nhìn thấy, người có công phu định lực thì chẳng cần nói nữa. Nhìn thấy quang trên thân người của bạn, người luyện khí công gọi đó là khí, họ gọi bằng danh từ “khí”, người tu thiền định gọi đó là “quang”. Từ màu sắc và cường độ lớn nhỏ của quang có thể biết tâm hạnh của người này là thiện hay ác. Tâm địa thiện lương từ bi, tâm thiện, hạnh thiện phóng ra quang màu vàng kim, đây là thù thắng nhất, tốt nhất. Kế đó là màu vàng, màu kém hơn một chút. Tại sao quỷ thần nhìn thấy người tu hành thì tôn kính? Họ nhìn thấy quang, năng lực này của họ là [nhờ quả] báo [mà có] được, quỷ thần có quả báo được Ngũ Thông. Họ nhìn thấy người tâm địa hiền lương, từ bi, hạnh thiện, chẳng phải là người tu hành, nhưng quang của những người này cũng tốt, quỷ thần nhìn thấy đều tôn kính, chẳng dám làm tổn hại.

Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 5 96

“Trời Quang Âm” có thể dùng quang để diễn đạt âm thanh. Ở cõi Nhị Thiền, người ta trao đổi ý kiến chẳng cần nói chuyện, nói chuyện rất mệt, nói nhiều thì hao hơi, mệt thân thể. Họ trao đổi bằng cách phóng quang, người khác nhìn thấy quang ấy đều hiểu ý nghĩa chứa đựng trong đó. Ngôn ngữ rất có hạn, ngôn ngữ rất vụng về, từ Nhị Thiền trở lên chẳng dùng ngôn ngữ, dùng phóng quang để thay thế. Cõi Tam Thiền còn cao hơn nữa, tâm địa thanh tịnh hơn, Tam Thiền gọi là “Tịnh thiên”.

Thiểu Tịnh thiên, Vô Lượng Tịnh thiên, Biến Tịnh thiên. (Trời Thiểu Tịnh, Trời Vô Lượng Tịnh, Trời Biến Tịnh.)

Cũng là dựa trên sự sai khác của tâm thanh tịnh mà nói, đây là ba cõi trời: “Tam Thiền, Tam Quang, Tam Tịnh” đều là công hạnh cao thấp. Tứ Thiền rất đặc biệt, tất cả có chín thứ chẳng giống nhau, có chín cõi trời.

Phước Sanh thiên, Phước Ái thiên, Quảng Quả thiên. (Trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả.)

Đây là cõi trời thông thường ở cõi Tứ Thiền, giống với cõi Tam Thiền kể trên. “Phước Sanh, Phước Ái, Quảng Quả” gọi là Phước thiên. Phước báo lớn nhất thì không có tam tai. Ở đó không có tam tai, tam tai là Hỏa tai, Thủy tai, Phong tai. Hỏa tai có thể thiêu đến cõi Sơ Thiền. Sơ Thiền có cả ba Hỏa, Thủy, Phong tai, chẳng thể tránh. Nhị Thiền thì bị Thủy tai, nước có thể tràn ngập đến trời Nhị Thiền. Nhị Thiền không có Hỏa tai, nhưng có Thủy tai, Phong tai. Ở cõi trời Tam Thiền tâm địa thanh tịnh, chẳng có Thủy và Hỏa tai, nhưng lại có Phong tai. Đến cõi Tứ Thiền thì phước báo lớn hơn, cả ba Thủy, Hỏa, Phong tai đều chẳng có. “Thủy, Hỏa, Phong” được gọi là “Đại Tam Tai” trong kinh

Phật. Tiểu Tam Tai là "kiếp đao binh, ôn dịch, cơ cẩn", cơ cẩn nghĩa là đói khát. Chúng ta rất khó hiểu được ý nghĩa của Đại Tam Tai, Tiểu Tam Tai. Lúc trước đọc kinh cũng lơ là đọc lướt qua, khi giảng kinh thì y chiếu chú giải của người xưa cũng lướt qua. Mấy năm trước tôi đến Nhật Bản phỏng vấn, đến Quảng Đảo (Hiroshima) và Trường Kỳ (Nagasaki), đến tham quan tận nơi những chỗ bị dội bom nguyên tử, mới tự nhiên hiểu được Tiểu Tam Tai nói Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 5 97

trong kinh Phật chính là chiến tranh nguyên tử. Chỗ bị nổ bom nguyên tử là nơi bị đao binh kiếp. Chiến tranh tám năm giữa Trung Quốc và Nhật chưa kể là Tiểu Tam Tai, chiến tranh nguyên tử mới là Tiểu Tam Tai. Trong kinh Phật nói kiếp đao binh kéo dài bao lâu? Bảy ngày bảy đêm. Chiến tranh kéo dài bảy ngày bảy đêm là kiếp đao binh. Chiến tranh tám năm giữa Trung Quốc và Nhật chẳng phải là kiếp đao binh, thế chiến thứ nhất, thế chiến thứ nhì cũng chưa phải là kiếp đao binh. Chiến tranh nguyên tử, bom nguyên tử nổ xong, [sau khi đến Nhật Bản] chúng tôi mới bỗng nhiên hiểu được chuyện Phật nói chính là chuyện này. Sau khi nổ xong, phóng xạ tồn tại bảy tháng bảy ngày. Sau bảy tháng bảy ngày này bạn chưa chết, mạng của bạn còn giữ được. Có nhiều người bị nổ bom chẳng chết liền, nhưng trong bảy tháng bảy ngày bị phóng xạ, họ sống nổi hay không thì sau bảy tháng mới có thể xác định. Phật gọi đây là ôn dịch, ôn dịch chính là việc này, là nạn bị phóng xạ. Người Nhật nói với chúng tôi, chỗ bị nổ bom đến năm thứ tám sau khi bom nổ mới mọc cỏ, nghe xong chúng tôi mới hiểu được lời Phật nói, cơ cẩn (nạn đói) kéo dài bảy năm bảy tháng và bảy ngày, sau đó đất mới mọc cây cỏ được, nếu cây cỏ chẳng mọc nổi thì người ta đương nhiên sẽ bị đói. Chúng ta hãy suy nghĩ xem, sức mạnh của võ khí nguyên tử hiện nay so với trái bom nổ ở Quảng Đảo không biết là mạnh gấp bao nhiêu lần. Ở Quảng Đảo, Trường Kỳ bị nổ bom vì bị bụi phóng xạ nghiêm trọng nên tám năm sau cây cỏ mới mọc nổi. Thế nên đại chiến thế giới lần thứ ba xảy ra tức là Tiểu Tam Tai mà Phật đã nói. Đại Tam Tai là sự hủy diệt của tinh cầu, ngày nay chúng ta nhìn thấy hỏa tai, những tinh cầu phát ra ánh sáng đó chính là hỏa, toàn thể là một biển lửa, mặt trời chính là biển lửa. Chúng ta rất khó hiểu rõ trạng thái của Đại Tam Tai, hiện nay tình hình của Tiểu Tam Tai đại khái thì chúng ta có thể hiểu được đôi chút, thiệt đáng sợ vô cùng! Cõi trời Tứ Thiền mới là cõi trời đủ phước báo, chẳng bị Tam Tai. Trong Đại Trí Độ Luận, Phật nói người ở trời Sắc Giới chủ yếu là tu thiền định, nếu chỉ tu thiền định mà không tu phước thì đâu có phước báo lớn như vậy! Thế nên họ phải tu Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả, đây là chỗ tồn tâm của thiên nhân trên trời Sắc Giới. Họ bố thí, trì giới, tu bố thí thì tâm được vui, bố thí nhiều thì khoái lạc càng nhiều. Thế nên họ có thể xả, chịu thí, nhờ vậy mới có thể dùng công phu định lực của họ sanh đến cõi trời Tứ Thiền. Sự khác biệt ở cõi Tứ Thiền cũng do công phu định lực sâu hay cạn, phước tu được ít hay nhiều, từ đó mới sanh ra những tướng trạng khác biệt.

Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 5 98

Vô Tưởng thiên. (Trời Vô Tưởng.)

Cõi Tứ Thiền còn một tầng đặc biệt, "trời Vô Tưởng". Trong kinh Phật nói đây là trời ngoại đạo, hơn phân nửa đều là học Phật, giải sai ý tứ của Phật. Tu Định, trong Định, ý

niệm gì cũng chẳng khởi lên, một niệm chẳng sanh, vô tưởng, tu thành công thì vãng sanh về cõi này. Chỉ có Định, chẳng có Huệ là sai lầm; ý nghĩa của thiền định là trong Định có Huệ. "Thiền Na" là Phạn ngữ, dịch nghĩa là "Tịnh Lự", "Tịnh" là Định, "Lự" là có công phu Quán Chiếu, cũng có nghĩa là họ hiểu rõ, họ chẳng Định đến nỗi không biết gì cả. Một niệm chẳng sanh, nhưng mọi việc đều rõ ràng, chuyện gì cũng minh liễu, như vậy mới gọi là thiền định. Nếu chỉ là một niệm chẳng sanh, việc gì bên ngoài cũng chẳng biết, như vậy là không được, là có Định chẳng có Huệ, tu như vậy thành công thì tương lai sẽ vãng sanh về cõi trời Vô Tưởng. Sự tu hành trong Phật pháp là "Định Huệ đẳng trì" gọi là thiền định. Sa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na, "Sa Ma Tha" dịch nghĩa là Chỉ Tức, "Tỳ Bà Xá Na" dịch là Quán Tưởng, hoặc Quán Kiến, Quán Sát, có những nghĩa như vậy. Chỉ tu một thứ thì sẽ lệch về một bên, đều chẳng thể thành tựu. Người chỉ tu Định thì dễ hôn trầm, tu thành công thì sanh về cõi Trời Vô Tưởng. Người chỉ tu Huệ thì không thể được Định, tâm nhảy loạn xạ, vọng tưởng rất nhiều. Tại sao chú trọng tại thiền định? Thiền là Định - Huệ đều bằng nhau, Định - Huệ đẳng trì, công phu này mới chính xác. Năm thứ sau này là chỗ thánh nhân tu hành:

Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Thiện Kiến thiên, Thiện Hiện thiên, Sắc Cứu Cánh thiên.
(Trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện
Hiện, trời Sắc Cứu Cánh.)

Thông thường còn xưng là "Ngũ Bất Hoàn thiên", ai trụ ở đó? Tiểu Thừa Tam Quả, cũng được gọi là "Tịnh Cư thiên", thế nên Tứ Thiền là Phàm Thánh Đồng Cư độ. Trời của phàm phu là trời Phước Sanh, Phước Ái, Quảng Quả và Vô Tưởng, thiên nhân ở bốn cõi trời này chẳng nhìn thấy thiên nhân ở trời Tịnh Cư, biết là họ ở nơi đó tu hành nhưng không nhìn thấy họ. Giống như ở thế gian này, địa cầu chúng ta Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 5 99

cũng là Phàm Thánh Đồng Cư độ, có Phật, Bồ Tát, A La Hán trụ ở địa phương này, loài người chúng ta chẳng nhìn thấy họ. Quý vị tụng Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, trong ấy nói đạo tràng của tôn giả Ca Nặc Ca ở Tứ Xuyên, người thường đến đó thì thấy toàn là núi hoang vu, chẳng nhìn thấy gì hết, lúc quốc sư Ngộ Đạt đến đó nhìn thấy đạo tràng trang nghiêm. Phải có duyên mới nhìn thấy cõi Phàm Thánh Đồng Cư độ, không có duyên thì chẳng thấy. Trong kinh nói tôn giả Ca Diếp còn chưa nhập Niết Bàn, còn ở núi Kê Túc, Ngài cũng thường ra ngoài đời, lúc ra thì chúng ta cũng chẳng nhận biết được, Ngài biết biến hóa. Ngài phải đợi Phật Di Lặc ra đời, truyền y bát của đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho Phật Di Lặc. Phật Di Lặc xuất thế, trong kinh nói năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, tôn giả Ca Diếp phải đợi thời gian dài như vậy. Tâm người được thanh tịnh, thọ mạng được tự tại, muốn trụ bao lâu thì trụ bấy lâu, chẳng trở ngại. Thế nên tôi khuyên mọi người phải phát nguyện, nguyện lực phải mạnh hơn nghiệp lực thì bạn mới chuyển, mới được tự tại. Nếu bạn không chịu phát nguyện, đời này bạn nhất định sẽ chịu vận mạng chi phối, bạn sẽ chẳng thoát nổi vận mạng. Nhất định phải phát đại nguyện xả mình vì người, thì bạn mới được tự tại, đời sống tự tại, thọ mạng tự tại, trụ thế tự tại, giáo hóa tự tại, hết thảy sự nghiệp chẳng có gì là không tự tại, nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn! Tại sao không chịu phát nguyện! Đời Đường, đại sư Pháp Chiếu, tổ

thứ tư tông Tịnh Độ, Ngài nhìn thấy Đại Thánh Trúc Lâm Tự của Văn Thù Bồ Tát trên núi Ngũ Đài, đây là người có duyên. Ngài nhìn thấy Văn Thù, Phổ Hiền, nhìn thấy pháp hội hơn một vạn người tụ hội, Văn Thù Bồ Tát đang giảng kinh thuyết pháp, Ngài còn ở đó nghe một buổi, còn thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát: "Phật pháp đã đi đến đời Mạt Pháp, căn tánh người đời Mạt Pháp độn, tu pháp môn gì dễ thành tựu?". Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài tu pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Pháp Chiếu vốn là tham thiền, nghe xong lời dạy của Văn Thù Bồ Tát, phát nguyện chuyên tâm niệm Phật. Ngài còn thỉnh giáo: "Làm thế nào niệm Phật?". Văn Thù Bồ Tát dạy phương pháp niệm Phật cho Ngài. Sau đó Ngài rời khỏi Ngũ Đài Sơn, trên đường về đi đến đâu Ngài cũng đều ghi dấu hiệu, sợ lạc đường, muốn lần sau trở lại. Kết quả là làm dấu được vài chỗ rồi quay trở lại, chùa chẳng còn nữa, chỉ còn một cảnh núi hoang vu, thế mới biết là chẳng thể nghĩ bàn, đạo tràng đã biến mất. Phàm phu chẳng nhìn thấy Phàm Thánh Đồng Cư độ, chẳng có duyên ấy thì chẳng nhìn thấy cảnh giới của thánh nhân.

Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 5 100

Trong kinh nói Phàm Thánh Đồng Cư độ có ba chỗ: Một là thế giới Sa Bà của chúng ta, thứ hai là trời Đâu Suất tức là tầng trời thứ tư trên cõi Dục Giới, Đâu Suất nội viện là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát, thiên nhân trời Đâu Suất chẳng nhìn thấy, chỉ nghe nói, chẳng biết ở đâu. Thứ ba là trời Tịnh Cư ở cõi trời Tứ Thiền tức là Ngũ Bất Hoàn thiên, ba chỗ này là Phàm Thánh Đồng Cư độ. Họ ở chỗ này tu hành, tuy đều là thánh nhân Tam Quả, tại sao gọi là Bất Hoàn? Chẳng còn đến Dục Giới nữa, họ sẽ thành tựu ở chỗ đó. Trong kinh nói người lợi căn sẽ trụ ở Ngũ Bất Hoàn thiên, trực tiếp ở đó chứng quả A La Hán và siêu việt tam giới, siêu việt sáu nẻo luân hồi, đây là A La Hán lợi căn. Nếu kém hơn, họ còn phải thông qua Tứ Không thiên mới có thể xuất tam giới; người lợi căn chẳng cần thông qua Tứ Không thiên, trực tiếp chứng quả A La Hán, liền xuất tam giới, đây là thiên nhân cõi trời Tịnh Cư. Chúng ta không cần phải giới thiệu thêm về Ngũ Bất Hoàn thiên. Kiến Tư phiền não trong tam giới gọi là Kiến Tư Hoặc, tam giới tám mươi mốt phẩm; tam giới chia thành chín cõi, mỗi cõi có chín phẩm, chín nhân chín thành tám mươi mốt phẩm Tư Hoặc, đến Ngũ Bất Hoàn thiên mới đoạn hết, đoạn hết mới chứng quả A La Hán. Năm xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trên thế gian này, thị hiện thành Phật dưới cây Bồ Đề, sau khi thành Phật giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh cần có người khải thỉnh, nếu không ai mời thì Phật chẳng thể dạy. Người thế gian tuy biết đức Phật nhưng ai biết được đây là một người có đại trí huệ, đại đạo sư cho trời và người, ai biết được? Người thế gian chẳng có người thỉnh thì Phật phải nhập Niết Bàn, phải thị hiện diệt độ. Thiên nhân ở trời Tịnh Cư nhìn thấy, họ thấy đức Phật Thích Ca thị hiện nên mau mau xuống để thỉnh cầu, thiên nhân cõi trời Tịnh Cư thay thế chúng ta thỉnh cầu nên đức Phật mới trụ thế tám mươi năm, giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta trên ba trăm hội, chúng ta phải cảm kích người cõi trời Tịnh Cư. Nếu họ không thỉnh pháp thì thế gian này của chúng ta chẳng nghe được Phật pháp, họ cũng rất từ bi, thương xót hết thảy chúng sanh khổ nạn, khuyến thỉnh Như Lai thuyết pháp. Cõi cuối cùng:

Ma Hê Thủ La thiên. (Trời Ma Hê Thủ La.)

Có một số kinh nói Ma Hê Thủ La tức là Sắc Cứu Cánh thiên. Ở

đây tại sao phải liệt kê tên này riêng ra? Trong kinh cũng có nói, Ma Hê Thủ La là thượng thủ của thiên nhân cõi Tịnh Cư, ý nghĩa này cũng hay. Tịnh Cư thiên tức là Ngũ Bất Hoàn thiên, vị đại đức được tôn kính nhất xưng là Ma Hê Thủ La. Đây là do thiền định được đại tự tại nên Ma Hê Thủ La cũng có thể xưng là Đại Tự Tại thiên. Đây là mười tám tầng trời Sắc Giới, giới thiệu đơn giản đến đây. Câu tiếp theo:

Nãi chí Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên. (Cho đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tướng Xứ.)

Chữ nãi chí ở đây ngụ ý đã lược bớt. Đã lược bớt Tứ Không thiên, Vô Sắc Giới thiên. Thiên nhân ở trời Vô Sắc Giới thực sự là phàm phu rất thông minh, rất có trí huệ. Ở Trung Quốc cổ đại, Lão Tử xuất hiện vào triều nhà Châu, thời đại Xuân Thu (722 trước công nguyên đến 481 trước công nguyên), cùng thời với Khổng Tử, lớn tuổi hơn Khổng Tử. Người này rất thông minh, Ngài nói: “Tôi có một mối lo lớn vì tôi có thân này”. Ngài nói tôi có một mối lo lớn, vì sao? Vì tôi có cái thân này. Thân là gốc khổ, nếu không có thân thể thì tốt biết mấy, tự tại biết mấy; Ngài là phàm phu bậc cao nên mới biết thân là gốc khổ. Làm sao xả bỏ thân, không cần nữa? Ngài chán ghét sắc thân, cộng thêm công phu định lực của Ngài, đích thật có thể xả bỏ sắc thân này, lìa khỏi, thăng lên cõi trên, phần nhiều chúng ta gọi là “linh giới”; y theo Phật pháp thì chỉ có thần thức chẳng có sắc thân, hạng này chúng ta xưng là Vô Sắc Giới. Người cõi trời Sắc Giới đã xả bỏ dục, đã xả bỏ ngũ dục lục trần, phiền não nghiêm trọng này, thoát ra khỏi Dục Giới đến cõi Sắc Giới. Sắc Giới vẫn còn sắc tướng, thân thể, hoàn cảnh cư trú, những thứ này còn phiền phức, còn chưa rốt ráo, xả bỏ những thứ này thì lên đến Tứ Không thiên. Tứ Không thiên vẫn còn trong phạm vi của lục đạo, chưa thoát ra khỏi lục đạo. Cõi thứ nhất ở Tứ Không thiên là Không Xứ thiên, sau khi lìa khỏi Sắc Giới thì vào Không Xứ, tâm duyên hư không chẳng có sắc tướng, định này gọi là “hư không định”. Thứ nhì gọi là Thức Xứ thiên, Không cũng xả bỏ, Không và Sắc là hiển hiện tương đối cho nên hư không chẳng chân thật. Họ xả bỏ luôn Không, xả Không rồi vẫn còn Thức tồn tại, chỗ họ duyên vào được đặt tên là Thức Xứ. Thật ra xả Không là chẳng chấp vào Không, chứ không phải thực sự xả bỏ Không. Chẳng còn chấp trước tướng Không, ý niệm Không và Sắc đối lập nhau trong

tâm chẳng còn nữa, lúc đó còn Thức, nên gọi là Thức Xứ. Người tu hành đến mức này nếu phát hiện Thức vẫn còn là một chuyện phiền phức, vẫn chưa rốt ráo, Thức chính là Phân Biệt, Phân Biệt cũng xả luôn thì sẽ vào Vô Sở Hữu Xứ thiên, tầng thứ ba ở Vô Sắc Giới. Lúc tu Định này thì buông xả hết thảy cảnh giới Trong - Ngoài, cảnh giới hai bên Trong - Ngoài đều buông xả, xả bỏ hết nên gọi là Vô Sở Hữu. Đến tầng cao nhất “Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên”, vì ngay cả Thức cũng chẳng duyên vào nên gọi là Phi Tưởng; chỗ chẳng khởi tác dụng cũng chẳng duyên vào nên gọi là Phi Phi Tưởng. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng là cảnh giới cao nhất trong tam giới. Cách giải thích Phi Tưởng

Phi Phi Tưởng rất nhiều, [chư vị] có thể tham khảo cách giải thích trong kinh luận, kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng, một số Phật Học Đại Tự Điển cũng có giải thích rõ, trên đây đã giải thích về Vô Sắc Giới thiên. Phần đông những Học Nhân đến cảnh giới này cho rằng đó là đại Niết Bàn trên quả vị của Như Lai, họ chẳng biết đây là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng thiên, cứ tưởng nhập vào cảnh giới này thì vĩnh viễn chẳng sanh chẳng diệt. Đâu biết họ còn thọ mạng, thọ mạng của họ chính là công phu định lực, công phu định lực của họ có thể duy trì được bao lâu? Trong kinh nói tám vạn đại kiếp, con số này rất lớn. Tám vạn đại kiếp là gì? Thế giới này trải qua một lần Thành, Trụ, Hoại, Không gọi là một đại kiếp. Trong đại kiếp này có bốn trung kiếp tức là Thành, Trụ, Hoại, Không. Thế giới Sa Bà chúng ta hiện nay đang ở kiếp Trụ. Tám vạn đại kiếp tức là thế giới này Thành, Trụ, Hoại, Không tám vạn lần, họ có công phu định lực sâu như vậy, thọ mạng dài như vậy. Sau tám vạn lần thế giới Thành, Trụ, Hoại, Không thì họ vẫn phải đọa lạc, chẳng thể nâng cao thêm nữa, chỉ có thể đọa xuống. Đọa lần này thì đọa rất thê thảm! Người ta thường nói trèo cao, té nặng. Kinh Lăng Nghiêm nói người trời Tứ Không đọa xuống, hơn phân nửa là đọa vào địa ngục A Tỳ. Từ nơi cao nhất rớt xuống chỗ thấp nhất, tại sao? Vì báng Phật, báng Pháp, báng Tăng; vì lỗi hủy báng Tam Bảo nên phải đọa địa ngục A Tỳ. Tại sao họ có ý niệm hủy báng Tam Bảo? Họ tưởng mình đã thành Phật, chứng được đại Niết Bàn, tại sao ngày nay vẫn còn đọa lạc? Trong tâm liền hoài nghi rằng lời chư Phật Như Lai là giả, chẳng phải thật, thế nên đọa lạc. Vì họ hiểu sai, nhận lầm, đó chẳng phải cảnh giới Niết Bàn của Như Lai. Không những chẳng phải quả địa Như Lai, mà cũng chẳng phải là quả địa Tiểu Thừa, hoàn toàn hiểu lầm. Thế nên khi càng tu lên trên, trong cảnh giới ấy tà - chánh rất khó phân biệt, đây là lý do tại sao trong kinh Lăng Nghiêm đức Thế Tôn

giảng Năm Mươi Ấm Ma cho chúng ta. Khi ma cảnh hiện tiền mà chúng ta cho đó là cảnh giới Phật thì sẽ bị lầm to. Thế nên người sơ học chúng ta muốn tránh ma cảnh thì phương pháp duy nhất là phải y giáo phụng hành, tuyệt đối thuận theo những gì Phật dạy trong kinh; tuyệt đối chẳng thể nương dựa những gì người khác nói, chẳng giống lời Phật dạy trong kinh, như vậy mới có thể tránh rơi vào ma đạo. Quan trọng nhất là chúng ta phải tin Phật, chúng ta học theo Phật, chúng ta thân cận một thiện tri thức, những gì vị thiện tri thức này nói phù hợp với lời trong kinh thì chúng ta mới tin; trong kinh chẳng nói như vậy thì chúng ta không tin, chẳng thể học theo họ. Phật nói vô lượng pháp môn, nói là vì ứng theo cơ duyên lúc đó nên mới nói, cơ duyên khác nhau thì Phật nói pháp khác nhau, vì thế chúng ta muốn học pháp môn nào, y theo kinh điển nào, điểm này vô cùng quan trọng, được vậy mới chẳng đến nổi giải sai chân thật nghĩa của Như Lai. Thí dụ Phật nói với chúng ta Tây Phương Cực Lạc thế giới tuyệt đối là có thật, chúng ta tu Tịnh Độ thì chỉ noi theo kinh điển Tịnh Độ. Trong kinh điển khác Phật nói vạn pháp đều không, nếu bạn nói trong kinh đức Phật nói hết thảy pháp đều không, nên Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng không, thế thì trật lất, bạn tin như vậy thì chẳng phải bạn đã bỏ uổng cơ hội này hay sao. “Học pháp môn nào thì chỉ tu học noi theo kinh điển của pháp môn đó mà thôi”, những kinh điển nói khác với kinh này thì tuyệt đối chẳng thể y theo kinh đó. Thật ra đạo lý này rất cạn cợt, chẳng sâu lắm,

chẳng khó hiểu. Giống như học trong trường đại học hiện nay, bạn học khoa hệ nào, nhất định phải học theo khóa trình của khoa hệ đó, bạn chẳng thể học khoa khác; nếu bạn học lớp của khoa hệ khác, chẳng giống với khoa mục của bạn, không những không trợ giúp mà ngược lại có thể phá hoại, đây không phải là đạo lý này sao! Trong kinh Phật thường dùng Y Vương để thí dụ, thí dụ này càng rõ hơn nữa. Thầy thuốc bắt mạch cho bệnh nhân rồi kê toa thuốc, người khác không dám uống theo toa thuốc của bạn, vì bệnh của họ không giống bệnh này. Nếu uống thuốc này, uống vô rồi thì xong ngay, người khác uống thuốc này thì chết liền. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn toa thuốc khác nhau, chữa cho tám vạn bốn ngàn người bệnh khác nhau, làm sao uống bừa bãi được! Thế nên chúng ta tu pháp môn vãng sanh, nhất định phải noi theo "kinh Vãng Sanh". Trong Đại Tạng kinh thì tam kinh nhất luận gọi là kinh vãng sanh, đó là kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương là sau này mới thêm vào, thêm rất

Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 5 104

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.